

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
QCVN 01 - 102: 2012/BNNPTNT
VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH ĐÀ ĐIỀU GIỐNG
National technical Regulation of Ostrich Breeds
Testing and Appraising Procedures

Lời nói đầu

QCVN 01 - 102: 2012/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, và được ban hành theo Thông tư số 41/2012/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH ĐÀ ĐIỀU GIỐNG
National technical Regulation of Ostrich Breeds
Testing and Appraising Procedures

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định về khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống trên lãnh thổ Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Khảo nghiệm đà điều giống là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định đà điều giống mới nhập khẩu lần đầu hoặc đà điều giống mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng của đà điều giống đó.

1.3.2. Kiểm định đà điều giống là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng của đà điều giống sau khi đưa ra sản xuất.

1.3.3. Đà điều giống - bao gồm đà điều bố mẹ và đà điều thương phẩm.

1.3.4. TB - trung bình

1.3.5. ĐVT - đơn vị tính

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định lấy mẫu

- Tiến hành chọn ngẫu nhiên trong đàn đà điều

- Số lượng đà điều giống bố mẹ cần khảo nghiệm, kiểm định: Không nhỏ hơn 10 con mái và 5 con trống sinh sản (bố trí nuôi 5 lô: Mỗi lô 2 con mái và 1 con trống).

- Số lượng đà điều thương phẩm cần khảo nghiệm, kiểm định: Không nhỏ hơn 20 con 01 ngày tuổi gồm 50% con trống và 50% con mái.

2.2. Địa điểm khảo nghiệm, kiểm định

Tại cơ sở đã đăng ký hoạt động khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

2.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng: theo quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở cung cấp đà điều giống.

2.4. Các chỉ tiêu kỹ thuật khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống (khi khảo nghiệm cần theo dõi tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật nhưng kiểm định chỉ theo dõi những chỉ tiêu kỹ thuật được yêu cầu).

2.4.1. Đà điều bố mẹ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT
1	Giai đoạn đà điều con (sơ sinh - 3 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Tỷ lệ loại thải	%
-	Khối lượng cơ thể sống 01 ngày tuổi	kg
-	Khối lượng cơ thể sống 3 tháng tuổi	
	+ Đà điều trống	kg
	+ Đà điều mái	kg
2	Giai đoạn dò (4 - 12 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Tỷ lệ loại thải	%
-	Khối lượng cơ thể sống 12 tháng tuổi	
	+ Đà điều trống	kg
	+ Đà điều mái	kg
3	Giai đoạn hậu bị (13 - 24 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Tỷ lệ loại thải	%
-	Khối lượng cơ thể sống 24 tháng tuổi	
	+ Đà điều trống	kg
	+ Đà điều mái	kg
4	Giai đoạn sinh sản (chỉ theo dõi năm đẻ đầu tiên)	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT
-	Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên	tháng
-	Năng suất trứng/mái/năm	quả
-	Khối lượng trứng giống	g/quả
-	Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống	%
-	Tỷ lệ trứng có phôi	%
-	Tỷ lệ ấp nở bình quân/tổng trứng vào ấp	%
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Tỷ lệ loại thải	%
-	Tiêu tốn thức ăn tinh/1 quả trứng giống	kg
-	Số lượng đờ điều con/mái/năm	con

2.4.2. Đờ điều thương phẩm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT
1	Giai đoạn đờ điều con (sơ sinh – 3 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Khối lượng cơ thể sống 3 tháng tuổi	
	+ Đờ điều trống	kg
	+ Đờ điều mái	kg
-	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng	
	+ Thức ăn tinh	kg
	+ Thức ăn xanh	kg
2	Giai đoạn sinh trưởng (4 – 9 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Khối lượng cơ thể sống 9 tháng tuổi	
	+ Đờ điều trống	kg
	+ Đờ điều mái	kg
-	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng	

	+ Thức ăn tinh	kg
	+ Thức ăn xanh	kg
3	Giai đoạn kết thúc (10 – 12 tháng tuổi)	
-	Tỷ lệ nuôi sống	%
-	Khối lượng cơ thể sống 12 tháng tuổi	
	+ Đà điều trống	kg
	+ Đà điều mái	kg
-	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng	
	+ Thức ăn tinh	kg
	+ Thức ăn xanh	kg

2.5. Thời gian khảo nghiệm, kiểm định đà điều giống

2.5.1. Thời gian khảo nghiệm

- Đối với đà điều bố mẹ: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi hết các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại mục 2.4.1 của Quy chuẩn này.

- Đối với đà điều thương phẩm: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi hết các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại mục 2.4.2 của Quy chuẩn này.

2.5.2. Thời gian kiểm định

- Đối với đà điều bố mẹ: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi xong các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu kiểm định được quy định tại mục 2.4.1 của Quy chuẩn này.

- Đối với đà điều thương phẩm: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi xong các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu kiểm định được quy định tại mục 2.4.2 của Quy chuẩn này.

2.6. Phương pháp xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của đà điều giống

2.6.1. Tỷ lệ nuôi sống (%)

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\text{Số lượng cuối kỳ (con)}}{\text{Số lượng đầu kỳ (con)}} \times 100$$

2.6.2. Tỷ lệ loại thải/giai đoạn (%)

$$\text{Tỷ lệ loại thải/giai đoạn (\%)} = \frac{\text{Số lượng loại thải trong giai đoạn (con)}}{\text{Số lượng đầu giai đoạn (con)}} \times 100$$

2.6.3. Khối lượng cơ thể (g)

Là khối lượng được cân vào buổi sáng trước khi cho ăn.

2.6.4. Khối lượng TB trứng giống (g)

Cân tất cả số lượng trứng giống trong năm đẻ thứ nhất rồi tính trung bình (sử dụng cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 g).

$$\text{Khối lượng TB trứng giống (g)} = \frac{\text{Tổng khối lượng trứng (g)}}{\text{Tổng số trứng được cân (quả)}}$$

2.6.5. Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống (%)

$$\text{Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống (%) = } \frac{\text{Tổng số trứng giống (quả)}}{\text{Tổng số trứng thu được (quả)}} \times 100$$

2.6.6. Tỷ lệ ấp nở (%)

$$\text{Tỷ lệ ấp nở (%) = } \frac{\text{Tổng số đà điều con nở ra còn sống (con)}}{\text{Tổng số trứng ấp (quả)}} \times 100$$

2.6.7. Tiêu tốn thức ăn/1 quả trứng (kg)

$$\text{Tiêu tốn thức ăn/1 quả trứng (Kg) = } \frac{\text{Tổng số thức ăn tiêu thụ trong giai đoạn đẻ (kg)}}{\text{Tổng số trứng thu được (quả)}}$$

2.6.8. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng (kg)

$$\text{Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng (kg) = } \frac{\text{Tổng số thức ăn tiêu thụ (kg)}}{\text{Tổng khối lượng tăng của đà điều (kg)}}$$

2.6.9. Năng suất trứng (quả/mái)

$$\text{Năng suất trứng (quả/mái) = } \frac{\text{Tổng số trứng thu được (quả)}}{\text{Số lượng đà điều mái trung bình trong kỳ (con)}}$$

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Giám sát, xử lý vi phạm

3.1.1. Cục Chăn nuôi, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.1.2. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

3.2. Tổ chức thực hiện

3.2.1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã nêu tại mục 1.2 phải áp dụng Quy chuẩn này.

3.2.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Cục Chăn nuôi phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

3.2.3. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3.2.4. Trong trường hợp Việt Nam ký kết hiệp định song phương hoặc đa phương mà có những điều khoản khác với quy định trong Quy chuẩn này thì thực hiện theo điều khoản của hiệp định song phương hoặc đa phương đó./.